

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/KDTM-ST
Ngày: 28/6/2022
Vụ án “T/C Hợp đồng
mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Công Ny

2. Bà Hồ Thị Kim Luyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ An Trinh, Thư ký tòa án nhân dân quận N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2016/TLST- KDTM, ngày 10 tháng 10 năm 2016 về tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 398/2022/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2022 các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty cổ phần E**(tên cũ là Công ty cổ phần cửa sổ nhựa Châu Âu)

Địa chỉ: huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: **Ông Ngô Duy T**

Địa chỉ: Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; Văn bản ủy quyền ngày 07/10/2022 (ông Thanh có mặt).

Bị đơn: **Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển thương mại V**

Địa chỉ: Tp. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện theo pháp luật: **Ông Nguyễn Văn O**

Địa chỉ: thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. (Ông Nguyễn Văn O vắng mặt không lý do)

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: **Trường đại học Y**

Địa chỉ: quận N, thành phố Cần Thơ. (Có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2016 của nguyên đơn và trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì nội dung vụ án như sau: Vào ngày 29/8/2012, nguyên đơn là Công ty cổ phần E(tên cũ là Công ty cổ phần Cửa Sổ Nhựa Châu Âu) và bị đơn là Công ty CP đầu tư Xây dựng và Phát triển thương mại V có ký kết các hợp đồng mua bán (gọi tắt là hợp đồng), Tổng giá trị các hợp đồng là 4.235.398.845 đồng, cụ thể gồm Hợp đồng số

1236742/1032337/DA tổng giá trị hợp đồng là 1.246.268.052 đồng; Hợp đồng số 1236743/1032337/DA tổng giá trị hợp đồng là 1.840.909.323 đồng; Hợp đồng số 101971/1032337/DA tổng giá trị hợp đồng là 1.130.221.470 đồng;

Theo đó nguyên đơn sẽ cung cấp và lắp đặt hệ thống cửa kính và vách kính cho công trình của bị đơn như sau:

Tên công trình: Công trình Khoa Kỹ thuật y tế - Trường Đại học Y và Khoa Y tế cộng đồng - Trường Đại học Y;

Địa chỉ công trình: Đường Nguyễn Văn Cừ Nối Dài, phường An Khánh, quận N, thành phố Cần Thơ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã hoàn thành các nghĩa vụ của mình theo đúng và đầy đủ thỏa thuận, được bị đơn xác nhận bằng các biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng; Gồm các Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng số Hợp đồng số 1236742/1032337/DA; Hợp đồng số 1236743/1032337/DA; Hợp đồng số 101971/1032337/DA cùng ngày 27/8/2013, nội dung ghi nhận khối lượng công việc đã thực hiện; tổng số tiền đã thanh toán và số tiền chưa thanh toán; Theo các biên bản nghiệm thu trên, thì tổng số tiền bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn là: 1.345.000.000 đồng; số tiền còn phải thanh toán là: 2.490.291.331 đồng.

Theo thỏa thuận tại khoản 2 Điều 2.5 của các hợp đồng, về điều khoản thanh toán và chậm thanh toán tại các hợp đồng đã ký kết, thời hạn thanh toán là 15 ngày kể từ ngày ký các biên bản nghiệm thu thanh quyết toán công trình (tức là trước ngày 13/9/2013) bị đơn phải thanh toán hết số tiền còn lại cho nguyên đơn. Nếu không thanh toán, hoặc thanh toán không đủ thì bị đơn phải chịu lãi suất do chậm thanh toán là 0.05%/ngày cho số tiền chậm trả.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc: Bị đơn trả ngay cho nguyên đơn số tiền chưa thanh toán tạm tính đến ngày 07/01/2016 là 3.280.336.256 đồng; bị đơn còn phải trả lãi chậm thanh toán theo hợp đồng kể từ ngày 08/01/2016 cho đến ngày trả dứt nợ;

Tại bản tự khai ngày 12/4/2022, đại diện của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu tòa án buộc nguyên đơn thanh toán số tiền còn nợ và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ; ngoài ra Được bảo lưu quyền kiện đòi tài sản, thực hiện quyền sở hữu toàn bộ sản phẩm đã lắp đặt cho đến khi bị đơn hoàn thành nghĩa vụ thanh toán.

Bị đơn Công ty cổ phần đầu tư Xây dựng và Phát triển thương mại V, có ông Nguyễn Văn Ôn làm đại diện pháp luật: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, trong toàn bộ quá trình tố tụng, bị đơn vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan Trường Đại học Y: Tại Văn bản đề ngày 21/02/2019, Trường không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, và yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ kiện.

Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, Tòa án nhân dân quận N tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Vụ án được xét xử công khai.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu khởi kiện như trên.

Với trình bày “Được bảo lưu quyền kiện đòi tài sản, thực hiện quyền sở hữu toàn bộ sản phẩm đã lắp đặt cho đến khi bị đơn hoàn thành nghĩa vụ thanh toán”, theo trình bày tại bản tự khai ngày 12/4/2022, của đại diện nguyên đơn, tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn xác định rút yêu cầu này.

- Bị đơn vắng mặt không lý do nên không rõ ý kiến.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Sau khi nghe lời trình bày của đương sự có mặt; nghe chủ tọa công bố lời khai và những chứng cứ có tại hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, hòa giải và công bố chứng cứ. Tòa án chưa đảm bảo thời gian giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo luật định. Những người tham gia phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng.

Đối với quan hệ tranh chấp Tòa án xác định quan hệ tranh chấp “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa” là đúng. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, mặc dù tại hợp đồng, các bên có thỏa thuận tòa án giải quyết khi có tranh chấp, nhưng thỏa thuận đó không đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chọn nơi thực hiện hợp đồng để khởi kiện, yêu cầu giải quyết vụ án là có căn cứ.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ do các đương sự cung cấp, chứng cứ do Tòa án đã thu thập và lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền 3.280.336.256 đồng (tạm tính đến ngày 07/01/2016) và phải trả lãi chậm thanh toán theo quy định kể từ ngày 08/01/2016 cho đến ngày trả dứt nợ theo các hợp đồng số 1236742/1032337/DA-nhôm, ngày 29/8/2012; 1236743/1032337/DA-nhôm, ngày 29/8/2012; 101971/1032337/DA, ngày 29/8/2012, là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại, theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặc dù tại các hợp đồng, nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận về việc giải quyết tranh chấp, “không thể giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải thương lượng thì tranh chấp đó sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân thành phố HN (HCM, Đà Nẵng) để giải quyết” các Tòa án được lựa chọn theo hợp đồng là tòa án nhân dân cấp tỉnh. Vụ án này, xét về thẩm quyền của tòa án nhân dân các cấp thì đây là tranh chấp thuộc tòa án nhân dân cấp huyện theo điểm b khoản 1 Điều 35 của

Bộ luật Dân sự. Như vậy, thỏa thuận của các đương sự về lựa chọn tòa án giải quyết là không đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào sự lựa chọn của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 26, 35 và Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng.

Bị đơn đã được tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng vẫn liên tục vắng mặt không lý do và không có ý kiến phản hồi. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến tòa án tham gia tố tụng. Bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án giải quyết vụ kiện theo các chứng cứ đã thu thập được có tại hồ sơ.

[2] *Về nội dung vụ án:*

2.1 Đối với yêu cầu bị đơn thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 28/6/2022 là 6.489.699.209 đồng; bị đơn còn phải trả lãi chậm thanh toán theo quy định cho đến ngày trả dứt nợ:

Căn cứ vào lời trình bày của đại diện nguyên đơn, các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của người có quyền và nghĩa vụ liên quan, xét:

Các hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn được ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý. Qua xem xét các hợp đồng, và các biên bản nghiệm thu, đều có chữ ký của ông Nguyễn Văn Ôn, là người đại diện theo pháp luật của bị đơn; có đóng dấu của Công ty CP đầu tư Xây dựng và Phát triển thương mại V; nội dung biên bản nghiệm thu có xác nhận số tiền chưa thanh toán cho nguyên đơn cụ thể:

Hợp đồng số 1236742/1032337/DA-nhôm, ngày 29/8/2012 có giá trị 1.264.268.052 đồng; Hợp đồng số 1236743/1032337/DA-nhôm, ngày 29/8/2012 có giá trị 1.840.909.323 đồng; Hợp đồng số 101971/1032337/DA, ngày 29/8/2012, có giá trị 1.130.221.470 đồng; Tổng giá trị 3 hợp đồng là 4.235.398.845 đồng;

Theo các biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng 1236742/1032337/DA-nhôm, ngày 29/8/2012; Hợp đồng số 1236743/1032337/DA-nhôm; Hợp đồng số 101971/1032337/DA, ngày 29/8/2012; thì tổng số tiền bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là 2.490.331 đồng.

Theo quy định về điều khoản thanh toán và chậm thanh toán của các hợp đồng đã ký, thì thời hạn thanh toán là 15 ngày kể từ ngày ký các Biên bản nghiệm thu thanh quyết toán công trình (tức trước ngày 13/9/2013) bị đơn phải thanh toán toàn bộ phần còn lại cho nguyên đơn. Tuy nhiên cho đến thời điểm hiện tại bị đơn vẫn không thanh toán.

Tại công văn số 181/ĐHYDCT, ngày 21/02/2019, Trường Đại học Y xác nhận “đã thanh toán xong giá trị công trình theo hợp đồng đã ký giữa Trường với bị đơn và giữ lại 05% bảo hành theo quy định”.

Về phía bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng không có văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì để xác định việc đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thanh toán số tiền nguyên đơn khởi kiện.

Xét thấy, do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán số tiền gốc còn nợ 2.490.291.331 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu đòi tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán Tạm tính đến ngày 28/6/2022 là 3.999.407.878 đồng và bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi 0.05%/ngày cho số tiền chậm trả cho đến khi bị đơn thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 2.5 của các hợp đồng đã ký kết nêu trên thì “Nếu bên A thanh toán chậm so với các điều khoản thanh toán ghi trong hợp đồng thì phải chịu lãi xuất 0.05%/ngày cho số tiền chậm trả”. Đây là sự thỏa thuận của các bên, căn cứ Điều 306 Luật thương mại mức lãi suất yêu cầu tính lãi mà nguyên đơn đưa ra là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3 Đối với ý kiến tại bản tự khai ngày 12/4/2022, đại diện nguyên đơn yêu cầu cho Được bảo lưu quyền kiện đòi tài sản, thực hiện quyền sở hữu toàn bộ sản phẩm đã lắp đặt cho đến khi bị đơn hoàn thành nghĩa vụ thanh toán. Yêu cầu này vượt quá yêu cầu khởi kiện tại đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2016, Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại yêu cầu này, nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm và các chi phí khác:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí và chi phí đăng thông báo trên phương tiện truyền thông đại chúng theo quy định.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp, và được nhận lại số tiền đăng thông báo trên phương tiện truyền thông đại chúng đã tạm ứng trước.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 30, 35, 147, 179, 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 24, 50, 55, 306 Luật Thương mại.

Điều 280, Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự 2015.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần Đối với bị đơn Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển thương mại V về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”

2. Buộc bị đơn là Công ty cổ phần đầu tư Xây dựng và Phát triển thương mại V phải trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần Esố tiền 6.489.699.209 đồng, trong đó:

- Nợ gốc 2.490.291.331 (hai tỷ bốn trăm chín mươi triệu hai trăm chín mươi một nghìn ba trăm ba mươi một) đồng.

- Nợ lãi là 3.999.407.878 (ba tỷ chín trăm chín mươi chín triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn tám trăm bảy mươi tám) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo hợp đồng và qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu 114.489.699 (một trăm mười bốn triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm chín mươi chín) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn 2.684.727 (hai triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn bảy trăm hai mươi bảy) đồng chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, theo các phiếu thu ngày 13/6/2022 của Báo Thanh Niên và Hợp đồng số 41/TTHCM-HĐTT, ngày 16/6/2022 giữa Cơ quan thường trú đài tiếng nói V tại thành phố Hồ Chí Minh và Công ty cổ phần Eurowindow.

Nguyên đơn được nhận lại 48.803.000 (bốn mươi tám triệu tám trăm lẻ ba nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 004786, ngày 18/5/2016 của Chi cục thi hành án quận N, thành phố Cần Thơ.

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Cần Thơ;
- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thùy Linh

